

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 488/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2025

V/v: ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hồ Bá Võ và ông Trần Xuân Thành

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Lệ Huyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bằng Giang – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 560/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 422/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Bùi Thị Kim A, sinh ngày 03/9/1988; Số căn cước công dân: 040188019493. Địa chỉ cư trú: xóm B, xã T, (tức xã N, huyện N cũ) tỉnh Nghệ An. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 12/12/1995; Số căn cước công dân: 040095014783. Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: xóm B, xã T, (tức xã N, huyện N cũ) tỉnh Nghệ An. Hiện đang cư trú và làm việc tại: Cộng hòa liên bang Đ. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 05/5/2025, đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, đơn từ chối hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Kim A trình bày: Chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Minh Đ đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2021 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2022, anh Đ đi lao động tại

nước ngoài (Cộng hòa liên bang Đ2) thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và càng ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm lạnh nhạt dẫn đến cắt đứt quan hệ với nhau. Nay chị Kim A xác định không còn tình cảm với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 11/04/2021 và Nguyễn Ngọc Phương Y, sinh ngày 30/12/2022, hai con đang ở với mẹ. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị Bùi Thị Kim A đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng qua thân nhân của anh Đ là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị X (bố mẹ đẻ) đến lần thứ hai mà vẫn không cung cấp địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài cho tòa án biết. Đồng thời đến nay, anh Đ cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc thu thập chứng cứ và xét xử vụ án vắng mặt các đương sự bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật. Việc anh Đ vắng mặt được xác định là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Kim A, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Bùi Thị Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ. Về con chung: Đề nghị giao cho chị Kim A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Phương T và Nguyễn Ngọc Phương Y đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: hiện tại chị Kim A không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: chị Kim A không yêu cầu và anh P chưa có ý kiến nên đề nghị không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Tòa án có thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: chị Bùi Thị Kim A có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ hiện đang cư trú ở nước ngoài; trước khi xuất cảnh, anh Đ có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại các Điều 37, 40 và 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.3]. Về thủ tục hòa giải: căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn không thể tham gia hòa giải (do vắng mặt tại nơi cư trú, hiện đang ở nước ngoài, tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt); nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải là phù hợp với pháp luật.

[1.4]. Về sự vắng mặt của đương sự: nguyên đơn chị Bùi Thị Kim A đã nộp đơn khởi kiện trực tiếp tại Tòa án, có bản tự khai, nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Kim A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tài liệu, chứng cứ đã giao nộp. Bị đơn anh Nguyễn Minh Đ hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, họp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua người thân là ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị X (bố mẹ đẻ) gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ của anh Đ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Đồng thời yêu cầu anh Đ trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh Đ cũng không cung cấp được địa chỉ của anh Đ ở nước ngoài cho Tòa án biết. Về phía bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ anh Đ) có cung cấp thông tin: chị Kim A và anh Đ kết hôn năm 2021 rồi sống chung với ông bà. Năm 2022, anh Đ đi lao động tại nước ngoài (nước Đ1) cho đến nay không về lần nào. Anh Đ hiện đang ở nước ngoài, thường xuyên liên lạc về với gia đình qua mạng xã hội nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Bà X đã thông báo cho anh Đ biết về việc chị Kim A làm đơn xin ly hôn. Thông qua bà X, anh Đ trình bày việc riêng của vợ chồng để vợ chồng tự giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 31/7/2025 và lần thứ hai vào ngày 18/8/2025 nhưng anh Đ đều vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho tòa án. Do đó, việc anh Đ vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP

ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Để đảm bảo quyền và lợi ích của đương sự, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Xét chị Bùi Thị Kim A và anh Nguyễn Minh Đ đăng ký kết hôn ngày 29/12/2021 tại UBND xã N, huyện N (nay là xã T), tỉnh Nghệ An. Hôn nhân của chị Kim A và anh Đ là tự nguyện và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo chị Kim A, mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng không còn và cắt đứt mọi quan hệ từ khi anh Đ ra nước ngoài lao động. Tại Công văn số 2110/QLXNC-Đ1 ngày 31/5/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh N cũng phản ánh: anh Đ đã xuất cảnh ngày 08/5/2022 qua cửa khẩu sân bay quốc tế N hiện vẫn chưa nhập cảnh. Tuy không thu thập được quan điểm của bị đơn về nguyên nhân mâu thuẫn song qua lời trình bày của mẹ đẻ anh Đ – bà Nguyễn Thị X thì xác định được: quá trình chung sống, anh Đ và chị Kim A có xảy ra mâu thuẫn; mặc dù anh Đ đã được biết về việc chị Kim A xin ly hôn nhưng cũng không có bất kỳ hành động nào thể hiện mong muốn được đoàn tụ gia đình, tiếp tục xây dựng hạnh phúc. Như vậy cả hai đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị Kim A và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Bùi Thị Kim A ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương T sinh ngày 11/04/2021 và Nguyễn Ngọc P1 Y sinh ngày 30/12/2022. Hiện các con chung đang do mẹ nuôi dưỡng. Nguyên đơn có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bị đơn anh Đ đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; chị Kim A đang sinh sống cùng con ở Việt Nam. Các con chung đều đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người cha, người mẹ nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và tâm lý của các con chưa thành niên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, giao 02 con chung cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Kim A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu và bị đơn chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa giải quyết. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 40, khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 4 Điều 207, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Bùi Thị Kim A được ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Kim A quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 11/04/2021 và Nguyễn Ngọc Phương Y, sinh ngày 30/12/2022. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Kim A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ.

Chị Kim A cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người đang trông giữ con chung có nghĩa vụ giao con chung cho người được quyền trực tiếp nuôi con khi có yêu cầu thi hành án.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007865 ngày 21/5/2025.

[4]. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Trung Lộc, tỉnh nghệ An;
- Lưu HSVA, Tòa GD, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thê